

Bản án số: **03** /2022/HNGĐ - ST

Ngày 17 tháng 03 năm 2022

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S, TỈNH PH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tỉnh Ph tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “*Hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Thông báo mở phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/03/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Tr**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Xóm Vai, xã Tam Th, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Sang trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

- Bị đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm Nhội, xã Long C, huyện Tân S, tỉnh Ph.

(Tại phiên tòa chị Tr, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Sang có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11/04/2019, chị và anh Hà Văn T đăng ký kết

hôn tại UBND xã Long C, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở cùng bố mẹ anh T tại xóm Nhội, xã Long C được một thời gian thì vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không chịu lao động, không có trách nhiệm với gia đình vợ và con. Nên chị mang con về ở với bố mẹ đẻ tại xã Tam Th, huyện Tân S, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Tuấn T, sinh ngày 29/8/2018. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về chia tài sản, tài sản riêng; công nợ, công sức*: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2 Về phía bị đơn anh Hà Văn T: Anh T đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Tr và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/2/2022, anh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Tr đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Hà Thị Tr.

- *Về con chung*: Anh T xác nhận, vợ chồng có 01 con chung như chị Tr trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhất trí để chị Tr được nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr vì chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

- *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 56, điều 81,82,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Tr được ly hôn anh Hà Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Tuấn T, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức chị Tr không yêu cầu tòa án giải quyết

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 điều 56 điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Tr được ly hôn anh Hà Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Tuấn T, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức chị Tr, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự, chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị ly hôn anh Hà Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Hà Văn T về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị Tr và anh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử. Ngày 18/02/2022 anh T có mặt tại tòa án và trình bày quan điểm, ý kiến của mình, đồng thời anh T, chị Tr cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Tr, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 11/4/2019, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Long C, huyện Tân S, tỉnh Ph. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong cuộc sống thời gian đầu vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2020 chị Tr và anh T không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin được ly hôn anh T. Phía anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng theo như chị Tr trình bày là đúng, nay chị Tr xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí vì anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Để xác định tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh T, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện UBND xã Long C nơi anh T thường trú, được biết: Chị Tr và anh T đã có mâu thuẫn, bản thân chị Tr đã về nhà bố mẹ để ở xã Tam Th. Vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh T theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Tr, anh T không hòa thuận hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xử cho chị Tr được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: chị Tr, anh T đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Tuấn T, sinh ngày 29/8/2018. Khi ly hôn, chị Tr xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T đồng ý để chị Tr nuôi dưỡng cháu T anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr không yêu cầu.

Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị Tr và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật, đảm bảo quyền được nuôi dưỡng của con chưa thành niên. Mặc khác cháu T còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ là rất cần thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh, chị về việc nuôi con chung khi ly hôn là phù hợp các điều: 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Tr tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu T. Xét đề nghị của chị Tr không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị Tr, anh T có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị Hà Thị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Tr có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Tr được ly hôn anh Hà Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Tuấn T, sinh ngày 29/8/2018 đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr tự nguyện không yêu cầu và có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Tr đã nộp là 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2020/0007354 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph. Nay được chuyển thành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày. Kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ph xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân S;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Long C,
- UBND xã Tam Th
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Đình Quang